

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề thi có 06 trang)

Môn thi: Địa lí
Ngày thi: 11/01/2023

Thời gian làm bài 50 phút (không kể thời gian phát đề)

Họ và tên thí sinh Số báo danh.....

Mã đề 201

Câu 1. Điểm khác biệt của địa hình vùng Đồng bằng sông Hồng so với vùng Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu do tác động của

- A. khả năng bồi tụ phù sa, cấu trúc địa chất, tác động của con người.
- B. các quá trình ngoại lực, diện tích lưu vực sông, quá trình canh tác.
- C. mật độ sông ngòi, lịch sử khai thác lãnh thổ và vận động nâng lên.
- D. biên độ sụt võng, khả năng bồi tụ phù sa, tác động của con người.

Câu 2. Biện pháp mở rộng diện tích đất nông nghiệp ở nước ta là

- A. đa dạng cây trồng.
- B. canh tác hợp lí.
- C. bón phân thích hợp.
- D. khai khẩn đất hoang.

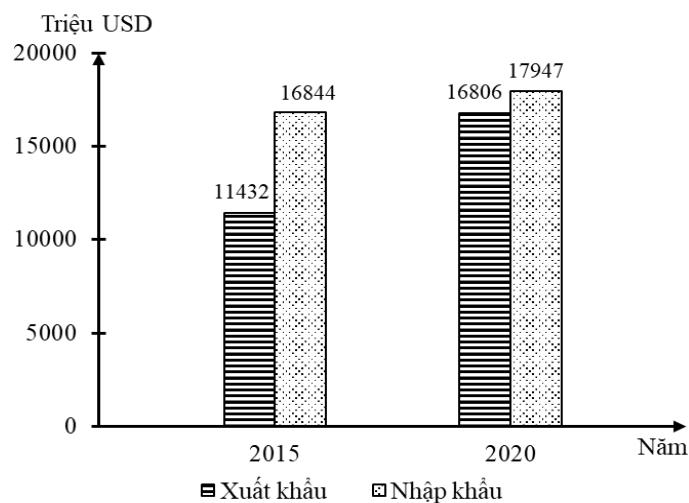
Câu 3. Ở độ cao 600-700m đến 1600-1700m, khí hậu mát mẻ, độ ẩm tăng cùng với đất feralit có mùn của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở nước ta đã tạo thuận lợi cho

- A. hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh phát triển.
- B. hệ sinh thái rừng cận nhiệt đới lá rộng và lá kim phát triển.
- C. phát triển các loài ôn đới như đỗ quyên, lãnh sam, thiết sam.
- D. các loài cây ôn đới, các loài chim di cư thuộc khu hệ Himalaya.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết trên các đảo và quần đảo nước ta có những vườn quốc gia nào sau đây?

- A. Bái Tử Long, Cát Bà, Xuân Thủy, Côn Đảo.
- B. Bái Tử Long, Cát Bà, Xuân Thủy, Núi Chúa.
- C. Bái Tử Long, Cát Bà, Núi Chúa, Côn Đảo.
- D. Bái Tử Long, Cát Bà, Côn Đảo, Phú Quốc.

Câu 5. Cho biểu đồ:



GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA MI-AN-MA NĂM 2015 VÀ 2020

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê 2021)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về giá trị xuất, nhập khẩu của Mi-an-ma năm 2020 so với năm 2015?

- A. Xuất khẩu tăng chậm hơn nhập khẩu. B. Xuất khẩu tăng, nhập khẩu tăng.
C. Xuất khẩu giảm, nhập khẩu tăng. D. Nhập khẩu tăng nhiều hơn xuất khẩu.

Câu 6. Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu dẫn đến độ cao của đai nhiệt đới gió mùa ở miền Bắc thấp hơn miền Nam?

- A. Miền Bắc có địa hình thấp hơn miền Nam.
B. Miền Bắc có nền nhiệt thấp hơn miền Nam.
C. Miền Bắc có nền nhiệt cao hơn miền Nam.
D. Miền Bắc có địa hình cao hơn miền Nam.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết tháng đỉnh lũ của sông Hồng, sông Đà Rằng, sông Mê Công lần lượt vào những tháng nào sau đây?

- A. Tháng 10, tháng 8, tháng 11. B. Tháng 11, tháng 10, tháng 8.
C. Tháng 8, tháng 11, tháng 10. D. Tháng 8, tháng 10, tháng 10.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết trung tâm công nghiệp Huế có các ngành nào sau đây?

- A. Chế biến nông sản, đóng tàu, cơ khí.
B. Chế biến nông sản, chế biến gỗ, cơ khí.
C. Chế biến nông sản, dệt, may, cơ khí.
D. Chế biến nông sản, vật liệu xây dựng, cơ khí.

Câu 9. Ảnh hưởng của vị trí địa lí và hình dạng lãnh thổ đến sông ngòi nước ta là

- A. phần lớn lưu vực nằm ngoài lãnh thổ, sông ngắn, dốc.
B. phần lớn sông nhỏ, nhiều nước, thủy chế theo mùa.
C. sông ngắn, dốc, phần lớn có hướng tây bắc - đông nam.
D. thủy chế theo mùa, diễn biến thất thường, độ dốc lớn.

Câu 10. Tổng lượng phù sa hàng năm của sông ngòi nước ta rất lớn là do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Địa hình đồi núi bị cắt xẻ mạnh, sườn dốc lớn và xâm thực mạnh.
B. Địa hình nước ta có sự tương phản giữa đồng bằng và miền núi.
C. Địa hình đồi núi già trẻ lại, có tính phân bậc rõ rệt giữa các khu vực.
D. Lãnh thổ nước ta hẹp ngang, địa hình có nhiều hướng khác nhau.

Câu 11. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết các đô thị có quy mô dân số từ 200001 - 500000 người ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là đô thị nào sau đây?

- A. Quy Nhơn, Nha Trang. B. Quy Nhơn, Tuy Hòa.
C. Nha Trang, Vũng Tàu. D. Đà Nẵng, Quy Nhơn.

Câu 12. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp Kiên Lương và Rạch Giá thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Hậu Giang. B. Kiên Giang. C. Bạc Liêu. D. An Giang.

Câu 13. Các thành phố, thị xã là các thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hóa lớn và đa dạng là do

- A. dân cư tập trung đông, chất lượng sống cao.
B. dịch vụ đa dạng, việc kinh doanh phát triển.
C. cơ sở hạ tầng khá tốt, giao thương thuận lợi.
D. mật độ dân số cao, thu hút nhiều vốn đầu tư.

Câu 14. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có giá trị sản xuất công nghiệp từ trên 40 đến 120 nghìn tỉ đồng?

- A. Biên Hòa. B. Cần Thơ. C. Đà Nẵng. D. Cà Mau.

Câu 15. Phần lãnh thổ phía Nam nước ta có nền nhiệt ẩm cao chủ yếu do tác động của các nhân tố nào sau đây?

- A. Thời gian chiếu sáng dài, gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương thổi đến và bão.
B. Vị trí gần xích đạo, lượng bức xạ lớn, gió hướng tây nam, dải hội tụ nhiệt đới.
C. Vị trí nằm trong vùng nội chí tuyến, gió Tín phong bán cầu Bắc, gió Tây và bão.
D. Gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Bắc, thời gian Mặt Trời qua thiên đỉnh, frông.

Câu 16. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết trên đất liền nước ta tiếp giáp với những quốc gia nào sau đây?

- A. Trung Quốc, Lào, Campuchia. B. Trung Quốc, Lào, Mianma.
C. Trung Quốc, Thái Lan, Lào. D. Lào, Campuchia, Thái Lan.

Câu 17. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng khí hậu nào sau đây chịu ảnh hưởng nhiều nhất của gió Tây khô nóng?

- A. Vùng khí hậu Nam Trung Bộ. B. Vùng khí hậu Bắc Trung Bộ.
C. Vùng khí hậu Đông Bắc Bộ. D. Vùng khí hậu Tây Bắc Bộ.

Câu 18. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ảnh hưởng của Biển Đông đến thiên nhiên Việt Nam?

- A. Rừng ngập mặn có diện tích khá lớn, bị thu hẹp nhiều.
B. Ven biển có nhiều tam giác châu, bậc thềm phù sa cổ.
C. Sinh vật giàu thành phần loài, năng suất sinh học cao.
D. Khí hậu mang nhiều đặc tính hải dương, điều hòa hơn.

Câu 19. Tình trạng thiếu việc làm ở khu vực nông thôn nước ta cao hơn khu vực thành thị do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Sản xuất nông nghiệp mang tính tự túc, tự cấp.
B. Lao động có kỹ thuật cao chiếm tỉ lệ thấp.
C. Tình trạng di dân từ nông thôn ra thành thị.
D. Sản xuất nông nghiệp mang tính mùa vụ cao.

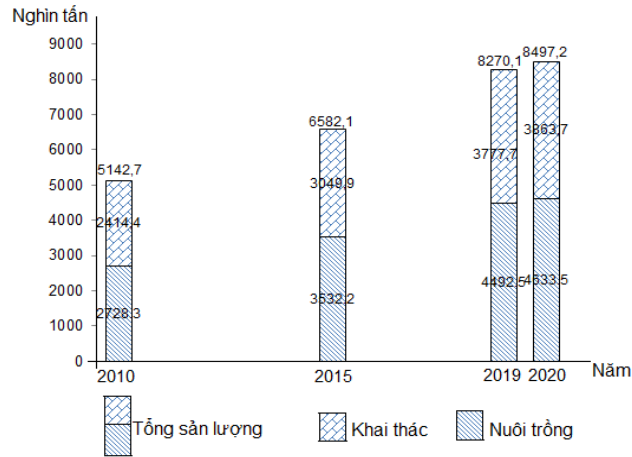
Câu 20. Loại gió nào sau đây là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ nước ta?

- A. Gió mùa Đông Bắc. B. Tín phong bán cầu Bắc.
C. Gió mùa Tây Nam. D. Gió phơn Tây Nam.

Câu 21. Cơ cấu dân số theo độ tuổi ở nước ta đang có sự biến đổi nhanh chóng do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Thành tựu trong văn hóa, giáo dục và y tế, tuổi thọ trung bình tăng.
B. Kinh tế phát triển, tâm lí xã hội và phong tục tập quán được duy trì.
C. Kết quả của chính sách dân số, đời sống ngày càng được nâng cao.
D. Tuổi thọ trung bình tăng, thành tựu trong y tế và xóa đói giảm nghèo.

Câu 22. Cho biểu đồ về sản lượng ngành thủy sản nước ta giai đoạn 2010 - 2020.



(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê 2021).

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Thay đổi cơ cấu sản lượng thủy sản nước ta.
- B. Tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản nước ta.
- C. Quy mô sản lượng ngành thủy sản nước ta.
- D. Cơ cấu sản lượng ngành thủy sản nước ta.

Câu 23. Biên độ nhiệt nước ta giảm dần từ Bắc vào Nam chủ yếu do càng vào Nam

- A. lượng nhiệt nhận được càng nhiều, gió Tín phong đông bắc hoạt động rất mạnh.
- B. chênh lệch góc nhập xạ càng nhỏ, ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc giảm dần.
- C. vị trí càng gần với xích đạo, nhiệt độ chênh lệch giữa các tháng trong năm lớn.
- D. góc nhập xạ vào mùa hạ càng lớn, ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc càng giảm.

Câu 24. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, cho biết các loại cây công nghiệp lâu năm nào sau đây trồng nhiều ở Đông Nam Bộ?

- A. Chè, cao su, điều, bông.
- B. Cà phê, cao su, mía, bông.
- C. Đậu tương, mía, lạc, chè.
- D. Cao su, cà phê, điều, hồ tiêu.

Câu 25. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây được xây dựng trên sông Krông Bơ Lan?

- A. Đrây Hling.
- B. Vĩnh Sơn.
- C. Yaly.
- D. Đa Nhim.

Câu 26. Cơ cấu lao động theo các ngành kinh tế của nước ta có sự thay đổi chủ yếu do

- A. chính sách hội nhập toàn cầu, liên kết kinh tế.
- B. công nghiệp hoá, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- C. kinh tế chuyển sang thị trường, hiện đại hóa.
- D. đô thị hóa, phát triển các hoạt động dịch vụ.

Câu 27. Cho bảng số liệu:

TỈ SUẤT SINH THÔ VÀ TỈ SUẤT TỬ THÔ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020

Quốc gia	Cam-pu-chia	In-đô-nê-xi-a	Mi-an-ma	Ma-lai-xi-a
Tỉ suất sinh thô (%)	22	18	18	16
Tỉ suất tử thô (%)	6	7	8	5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê 2021)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của các quốc gia năm 2020?

Câu 37. Cho bảng số liệu:

**DIỆN TÍCH CÁC LOẠI CÂY TRỒNG PHÂN THEO NHÓM CÂY CỦA NƯỚC TA
GIAI ĐOẠN 2010 - 2020**

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	2010	2015	2017	2020
Cây hàng năm	11214,3	11700,0	11498,1	10871,1
Cây lâu năm	2846,8	3245,3	3403,9	3616,3
Tổng số	14061,1	14945,3	14902,0	14487,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu diện tích các loại cây trồng phân theo nhóm cây của nước ta giai đoạn 2010 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A.** Đường. **B.** Cột. **C.** Tròn. **D.** Miền.

Câu 38. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết các nhà máy nhiệt điện nào sau đây có công suất lớn nhất nước ta?

- A.** Phả Lại, Cà Mau, Trà Nóc. **B.** Phú Mỹ, Bà Rịa, Cà Mau.
C. Phú Mỹ, Phả Lại, Cà Mau. **D.** Phú Mỹ, Phả Lại, Ninh Bình.

Câu 39. Biển Đông có đặc điểm nào sau đây?

- A.** Nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.
B. Là biển nhỏ trong các biển của Thái Bình Dương.
C. Phía đông và đông nam mở rộng ra đại dương.
D. Nằm ở rìa phía đông của Thái Bình Dương.

Câu 40. Nguyên nhân chủ yếu gây ngập lụt ở Trung Bộ nước ta là

- A.** có nhiều đầm phá làm chậm việc thoát nước ra biển.
B. mực nước biển dâng cao làm ngập vùng ven biển.
C. mưa bão lớn, nước biển dâng và lũ nguồn về.
D. sông nhỏ, ngắn dốc, tập trung nước nhanh.

----- **HẾT** -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành.